

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Bắc Giang, tháng 3 năm 2019

MỤC LỤC

I. Thông tin chung:	2
1. <i>Thông tin khái quát:</i>	2
2. <i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:</i>	3
3. <i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:</i>	4
4. <i>Định hướng phát triển:</i>	5
5. <i>Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, mục tiêu của Công ty:</i>	6
II. Tình hình hoạt động trong năm:	10
1. <i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:</i>	10
2. <i>Tổ chức nhân sự:</i>	11
3. <i>Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.</i>	12
4. <i>Tình hình tài chính.</i>	13
5. <i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.</i>	14
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.	14
1. <i>Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.</i>	14
2. <i>Tình hình tài chính.</i>	14
3. <i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.</i>	16
4. <i>Kế hoạch phát triển trong tương lai.</i>	16
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	17
1. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.</i> ...	18
2. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.</i>	19
3. <i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.</i>	19
V. Quản trị Công ty	20
1. <i>Hội đồng quản trị.</i>	21
2. <i>Ban Kiểm soát.</i>	21
3. <i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.</i>	23
VI. Báo cáo tài chính.	23
1. <i>Ý kiến kiểm toán.</i>	23
2. <i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.</i>	23

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 12 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
NĂM 2018**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**
- Tên giao dịch quốc tế: **HA LANG RAILWAYS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **HALANG RSP**
- Trụ sở chính: Số 6, Đường Nguyễn Khắc Nhu, Phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.
- Điện thoại: 0204.3854.746; Fax: 0204.3852.983
- Website: <http://www.halang.com.vn>
- Email: halang.dsvn@gmail.com
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2400152522 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/10/2010 và thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2017.
- Mã số thuế: 2400152522.

*** Quá trình hình thành và phát triển**

Tiền thân của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng là Công vụ đoạn Phủ Lạng Thương được thành lập từ tháng 3 năm 1955.

Trong quá trình hình thành và phát triển Công vụ đoạn Phủ Lạng Thương đến nay mang các tên gọi như sau:

Từ năm 1955 – 1964: Công vụ đoạn Phủ Lạng Thương;

Từ năm 1965 – 1971: Đoạn đường sắt Hà Mục;

Từ năm 1971 – 1979: Đoạn đường sắt Hà Hữu;

Từ năm 1980 – 1983: Đoạn đường sắt Hà Lạng;

Từ năm 1984 – 2002: Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Hà Lạng.

Ngày 20/3/2003 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số

734/2003/QĐ - GTVT về việc chuyển Xí nghiệp quản lý đường sắt Hà Lạng thành Công ty quản lý đường sắt Hà Lạng.

Ngày 29/6/2010 Tổng Công ty Đường sắt Việt nam có Quyết định số 708/QĐ - ĐS về việc chuyển Công ty quản lý đường sắt Hà Lạng thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên căn cứ theo Quyết định số 1882/QĐ-TTg ngày 13/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển Tổng Công ty Đường sắt Việt nam sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ – công ty con;

Ngày 30/12/2015 Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 2400152522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/10/2010 và thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2017 với số vốn điều lệ là 16.500.000.000 đồng (Mười sáu tỷ, năm trăm triệu đồng).

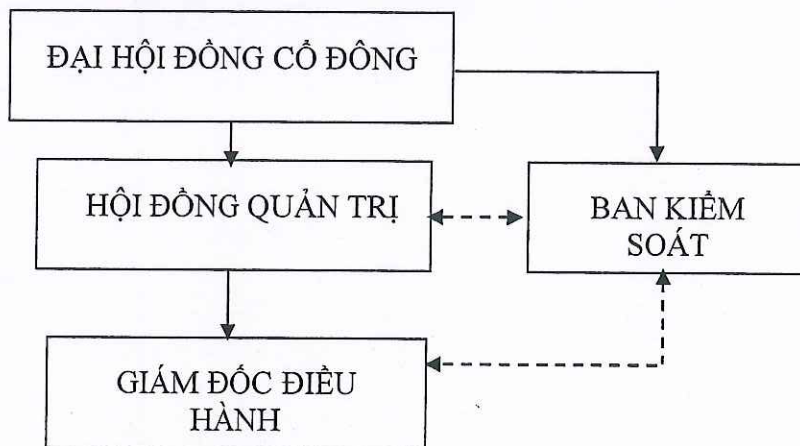
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Dịch vụ thi công xây dựng công trình về giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Thiết kế, giám sát thi công công trình giao thông đường sắt;
- Kinh doanh vận tải đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, đường thủy; dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô;
- Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; lập, thẩm tra xây dựng dự án đầu tư xây dựng; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy, trang bị dụng cụ lao động;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; tổ chức bán đấu giá tài sản. Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, nhà hàng;
- Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; kinh doanh thuốc; dịch vụ tiêm chủng; trang thiết bị y tế; dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu; dịch vụ thu gom hàng lẻ ở nội địa;
- Kinh doanh xăng dầu; khai thác khoáng sản; sản xuất đồ gỗ xây dựng và dân dụng; may trang phục;
- Hợp tác liên doanh, liên kết các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục đích kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận.

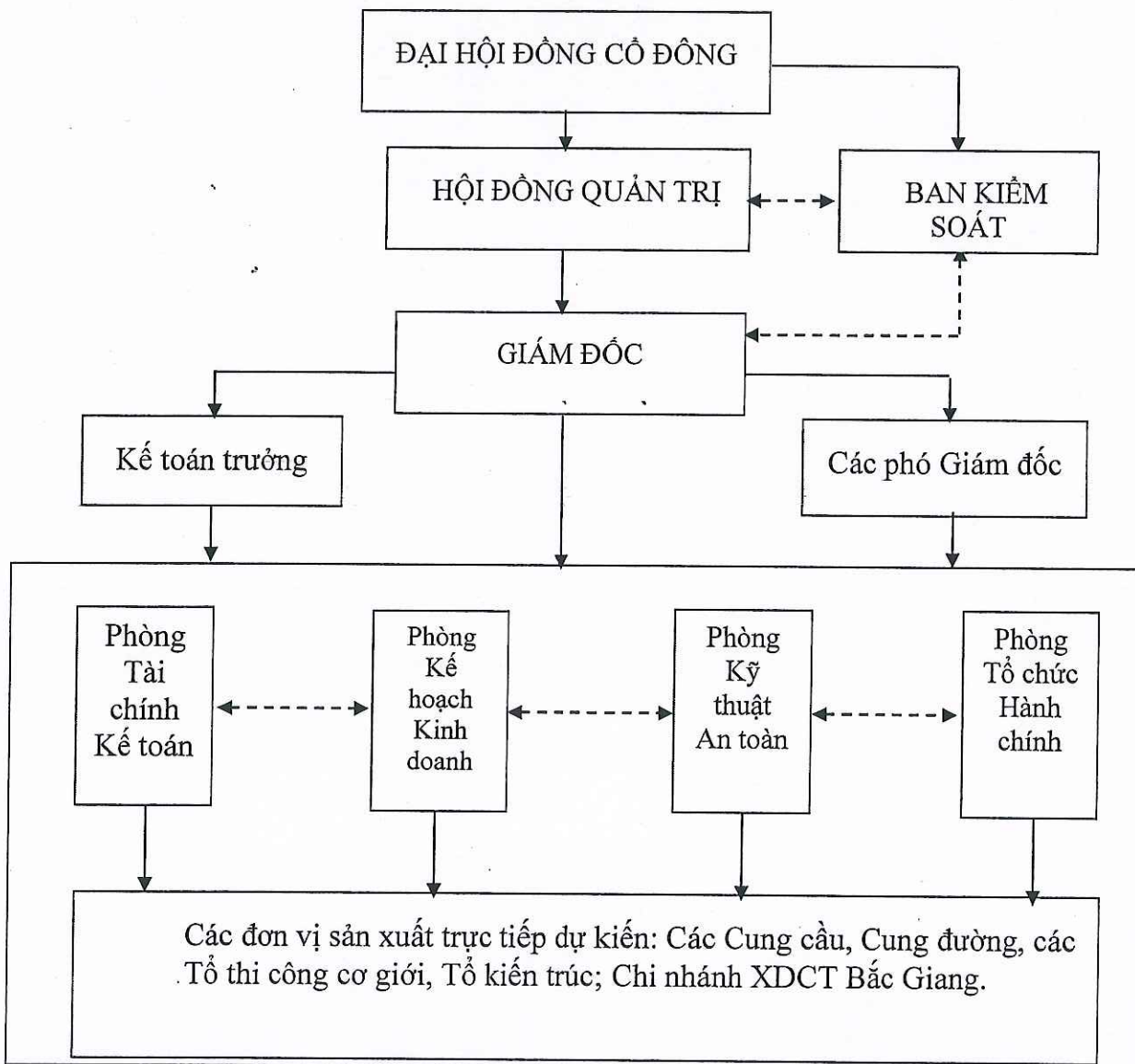
- Địa bàn kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt tại các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hải Dương, Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị của Công ty theo sơ đồ sau:



- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:



4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty là: Tạo sự chuyển biến từ nhận thức thành hành động cụ thể trong mỗi CBCNV lao động toàn Công ty, tích cực tham gia các phong trào thi đua, huy động mọi nguồn lực, chung sức đồng lòng đầu tư, xây dựng nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu: "**Quyết liệt - Đổi mới - An toàn - Phát triển**".

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Định hướng chung: phát huy ngành nghề truyền thống và từng bước tăng trưởng, vững chắc; đẩy mạnh liên kết trong và ngoài doanh nghiệp tạo cơ hội, nguồn lực để tăng tính cạnh tranh, phát huy hiệu quả; từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh ngày càng cao, tăng trưởng chất lượng tạo ra giá trị gia tăng cao; đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu doanh nghiệp, văn hoá doanh nghiệp.

+ Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt, quản lý bộ máy là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa của doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc.

+ Xây dựng Công ty cổ phần phát triển vững mạnh trong các lĩnh vực: Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp....

+ Nâng cao hiệu quả công tác tài chính, hiệu quả sử dụng vốn bằng cách đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, phát huy tốt các nguồn vốn vay, vốn huy động từ các tổ chức tín dụng và cá nhân phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư với mức tăng trưởng cao.

+ Không ký các hợp đồng có giá trị thấp, khả năng sinh lời và thanh toán kém. Tăng cường quản lý chặt chẽ hơn ở tất cả các khâu từ đấu thầu, hợp đồng, giá cả, quản lý thi công, nghiệm thu thanh quyết toán.

+ Tăng cường công tác quản lý giá thành, quản lý các định mức kinh tế kỹ thuật. Hoàn thiện công tác khoán cho từng đơn vị với phương châm phát huy tối đa nội lực, khai thác và sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài chính hiện có để vừa đảm bảo tính tập trung thống nhất nhưng linh hoạt để phát huy tốt tính chủ động sáng tạo của cơ sở.

+ Chủ động tài chính đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư. Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư. Thực hiện công tác tài chính công khai, minh bạch và rõ ràng, gắn kết nội bộ và đoàn kết thống nhất cùng chung trách nhiệm và quyền lợi trong toàn Công ty.

+ Xây dựng cụ thể nhu cầu vốn phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh theo hướng tăng dần tỷ lệ vốn chủ sở hữu, giữ mức cân đối giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay, vốn dài hạn và vốn ngắn hạn tương ứng với tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn,

đảm bảo nguồn vốn dài hạn đủ để tài trợ cho việc đầu tư vào tài sản dài hạn và còn tài trợ một phần cho nhu cầu vốn lưu động thường xuyên, giảm bớt rủi ro về tài chính.

+ Thường xuyên rà soát, phân loại, đánh giá tài sản không có nhu cầu sử dụng, lạc hậu về kỹ thuật, không có khả năng sinh lời hoặc sinh lời thấp để có biện pháp xử lý cho phù hợp.

+ Theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, có biện pháp cụ thể công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ để giảm nợ tồn đọng, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

+ Bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý cho phù hợp với công ty cổ phần như quy chế quản lý tài chính, quản lý các hợp đồng kinh tế ... đảm bảo tính chủ động, nâng cao trách nhiệm cho từng cán bộ công nhân viên trong Công ty với nhiệm vụ, trách nhiệm được giao, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm cho từng cán bộ công nhân viên.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

+ Công ty đã từng bước phát triển thời gian vừa qua, dần trở thành một trong những đơn vị có uy tín trong ngành Đường sắt. Nhận thức sâu sắc tầm ảnh hưởng của mình đến xã hội cũng như những thách thức mà toàn xã hội đang đối mặt, Công ty chúng tôi xác định nguyên tắc sản xuất kinh doanh là gắn kết một cách hài hoà giữa mục tiêu kinh doanh với trách nhiệm với xã hội, hướng đến phát triển bền vững. Chúng tôi thực hiện trách nhiệm đối với tất cả các bên liên quan và nỗ lực để mang lại ngày càng nhiều giá trị cho các bên liên quan của mình.

+ Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường.

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Tích cực hưởng ứng, tham gia, tuyên truyền các đợt phát động về bảo vệ môi trường của ngành cũng như của địa phương.

+ Tiếp tục tìm kiếm công ăn việc làm để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các địa phương mà Công ty có đơn vị đóng quân để đảm bảo tốt công tác An toàn chạy tàu, An ninh chính trị và trật tự xã hội.

5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, mục tiêu của Công ty:

Môi trường bên trong doanh nghiệp.

a. Các yếu tố vật chất.

***Tiền vốn:**

Vốn là tiền đề vật chất cần thiết cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhưng vấn đề quan trọng là nhà quản trị phải biết sử dụng có hiệu quả đồng vốn đầu

tư của mình, nó được phản ánh trên các chỉ tiêu sau: Tốc độ hoàn trả vốn hiệu quả sử dụng vốn và lợi nhuận hàng năm thu được.

***Nhân sự:**

Con người là yếu tố quyết định mọi sự thành bại của hoạt động sản xuất kinh doanh. Bởi vậy, doanh nghiệp phải chú ý tới việc sử dụng con người, phát triển nhân sự, xây dựng môi trường văn hoá và nề nếp tổ chức của doanh nghiệp. Đồng thời doanh nghiệp phải quan tâm tới các chỉ tiêu rất cơ bản như: Số lượng lao động, trình độ nghề nghiệp, năng suất lao động, thu nhập bình quân, năng lực của cán bộ quản lý...

b.Các yếu tố tinh thần:

***Truyền thống, thói quen:**

Các truyền thống, thói quen là những yếu tố mang tính rất riêng của doanh nghiệp. Nó được hình thành, tồn tại và phát triển vừa khách quan vừa chủ quan trong quá trình vận động của doanh nghiệp.

***Nền văn hoá:**

Như ta đã biết những doanh nghiệp có nền văn hoá phát triển sẽ có không khí làm việc say mê luôn đề cao sự chủ động sáng tạo. Ngược lại, những doanh nghiệp có nền văn hoá thấp kém sẽ phổ biến sự bàng quang, thờ ơ và bất lực trước đội ngũ lao động của doanh nghiệp.

Biện pháp quan trọng tạo nên nền văn hoá doanh nghiệp mạnh là phải tăng cường các mối liên hệ giao tiếp trao đổi thông tin giữa các thành viên của các tổ chức với nhau thông qua con đường chính thức và đặc biệt là con đường không chính thức. Vì con đường không chính thức cho phép vượt qua được những cách biệt về cấp bậc, về tuổi tác...cho phép hạn chế tác hại của căn bệnh trì trệ quan liêu.

***Giá trị ước vọng của lãnh đạo:**

Lãnh đạo theo cách lãnh đạo dân chủ lắng nghe ý kiến đóng góp của của mọi người. Ước vọng đó được thể hiện qua các quyết định của ban lãnh đạo. Cùng với sự phấn đấu của cán bộ công nhân viên.

Môi trường kinh doanh bên ngoài doanh nghiệp:

a. Môi trường vĩ mô.

*** Môi trường kinh tế chính trị.**

Môi trường này bao gồm: luật pháp các chính sách và cơ chế của nhà nước đối với ngành kinh doanh. Nhà quản trị phải lưu ý tới các yếu tố trên nhằm tiên đoán những thay đổi quan trọng về chính trị trong nước, khu vực và trên thế giới để có những quyết sách đúng đắn trong kinh doanh. Chúng ta có thể xem xét một số khía cạnh ảnh hưởng của môi trường chính trị đến hoạt động của doanh nghiệp. Chẳng hạn, mỗi quan tâm hàng đầu của nhà nước được thể hiện trong sự thay đổi của luật kinh doanh là bảo vệ các doanh nghiệp, nhưng đồng thời nó lại kích thích

tính chất cạnh tranh và giữ thái độ trung gian khi phải đối phó với những xung đột trong cạnh tranh. Điều này bắt buộc mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại phát triển phải biết bám chặt hành lang pháp luật để hành động.

Sự ổn định chính trị có ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp, vì rủi ro do môi trường chính trị là rất lớn. Khi chính phủ thay thế nhau có thể dẫn đến những thay đổi đáng kể về chính sách kinh tế, như chính phủ có thể quốc hữu hoá, tịch thu tài sản, ngăn cấm di chuyển ngoại tệ hoặc can thiệp vào chính sách tài chính tiền tệ.

*** Môi trường công nghệ kỹ thuật.**

Hầu như tất cả các hàng hoá sản phẩm được tạo ra hiện nay đều gắn liền với những thành tựu khoa học kỹ thuật - công nghệ. Có thể nói rằng, chúng ta đang sống trong thời kỳ kỹ thuật công nghệ phát triển. Thực tế đã chứng minh rằng doanh nghiệp nào nắm vững kỹ thuật - công nghệ và sớm ứng dụng nó vào sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp đó tồn tại và phát triển.

Kỹ thuật - công nghệ với tư cách là một bộ phận của môi trường kinh doanh bên ngoài tác động tác động đến doanh nghiệp trên hai mặt:

Thứ nhất, công nghệ bên ngoài tác động đến doanh nghiệp thông qua công nghệ bên trong. Đó chính là tốc độ phát triển của khoa học kỹ thuật thể hiện thông qua phát minh, ứng dụng chúng vào cuộc sống đã làm cho công nghệ bên trong của doanh nghiệp nhanh chóng lạc hậu. Doanh nghiệp nào kinh doanh trong các ngành, các lĩnh vực có sự đổi mới công nghệ cao thì sẽ dễ rơi vào tình trạng lạc hậu về công nghệ.

Thứ hai, công nghệ làm xuất hiện các đối thủ cạnh tranh tiềm năng, đó là những đối thủ kinh doanh các sản phẩm có thể thay thế sản phẩm mà doanh nghiệp đang kinh doanh. Công nghệ phát triển càng nhanh thì chu kỳ sống của sản phẩm càng ngắn.

*** Môi trường tự nhiên :**

Bao gồm các yếu tố liên quan: Tài nguyên thiên nhiên, đất đai, khí hậu thời tiết ... Thực tế cho thấy sự ô nhiễm không khí và môi trường xung quanh đã đến mức báo động. Vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp và chính phủ là không thể thờ ơ với công việc này. Hiện nay, chúng ta đang phải tìm cách đối phó với tình trạng ô nhiễm bằng những cách riêng của mình. Ngoài việc đóng thuế môi trường ra đã có nhiều nhà kinh doanh chủ động tìm cách thay thế nguyên liệu, vật liệu sử dụng năng lượng sạch hoặc nghiên cứu chế tạo, áp dụng các kỹ thuật xử lý chất thải.

Các yếu tố môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến doanh nghiệp trên các mặt sau:

- Tạo ra thị trường cung ứng các yếu tố đầu vào cho các doanh nghiệp.
- Tác động đến dung lượng và cơ cấu thị trường hàng tiêu dùng.
- Tác động đến việc làm và thu nhập của dân cư, do đó ảnh hưởng đến sức mua và khả năng tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp.

*Môi trường văn hoá xã hội.

Các yếu tố văn hoá xã hội có liên quan với nhau nhưng tính chất tác động của chúng có thể khác nhau. Thực tế người ta luôn sống trong môi trường văn hoá đặc thù, tính đặc thù của mỗi nhóm người vận động theo hai khuynh hướng là giữ lại các tinh hoa văn hoá dân tộc, một khuynh hướng khác là hoà nhập với các nền văn hoá khác.

Nhà quản trị là người phải biết nắm vững cả hai khuynh hướng đó để có giải pháp thâm nhập sản phẩm của nhà sản xuất một cách thích hợp vào từng loại thị trường có nền văn hoá khác nhau. Đối với sản phẩm có tính quốc tế thì chỉ có thể thâm nhập từng bước nếu không chúng sẽ bị từ chối và như thế nhà sản xuất rất khó có cơ hội thành công.

Văn hoá xã hội nhìn chung ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp trên các mặt sau:

Văn hoá hình thành nên thói quen tiêu dùng của các nhóm dân cư, từ đó hình thành nên thói quen, sở thích, cách cư xử của khách hàng trên thị trường.

Văn hoá ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển nền văn hoá bên trong của doanh nghiệp.

Văn hoá quy định cách thức mà doanh nghiệp có thể dùng để giao tiếp với bên ngoài.

Như vậy, có thể thấy rằng những tác động của văn hoá đến doanh nghiệp là rất lớn, đó chính là những cách thức về văn hoá mà doanh nghiệp luôn phải đối đầu.

b. Môi trường vi mô:

* Khách hàng:

Khách hàng là người đang và sẽ mua hàng của doanh nghiệp. Đối với bất cứ một doanh nghiệp nào khách hàng luôn là yếu tố quan trọng nhất, quyết định nhất tới sự sống còn của doanh nghiệp. Tính chất quyết định của khách hàng thể hiện trên các mặt sau:

Khách hàng quyết định sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp được bán theo giá nào. Trên thực tế, doanh nghiệp chỉ có thể bán với giá mà người tiêu dùng chấp nhận.

Khách hàng quyết định doanh nghiệp bán sản phẩm như thế nào. Phương thức bán và phương thức phục vụ khách hàng là do khách hàng lựa chọn, vì trong nền kinh tế thị trường phát triển, người mua có quyền lựa chọn người bán theo ý thích của mình và đồng thời quyết định phương thức phục vụ của người bán. Điều này cho thấy tính chất quyết định của khách hàng làm cho thị trường chuyển từ thị trường người bán sang thị trường người mua, khách hàng trở thành thượng đế.

*** Đối thủ cạnh tranh:**

Doanh nghiệp luôn phải đối phó với hàng loạt đối thủ cạnh tranh. Vấn đề quan trọng ở đây là không được coi thường bất kỳ đối thủ nào, nhưng cũng không coi tất cả đối thủ là thù địch. Cách sử lý khôn ngoan nhất không phải là hướng mũi nhọn vào đối thủ của mình mà ngược lại vừa phải xác định, điều khiển và hoà giải, lại vừa phải hướng suy nghĩ và sự quan tâm của mình vào khách hàng. Phải luôn đặt câu hỏi khách hàng muốn gì? Khi ta thoả mãn được ước muốn của khách hàng, có nghĩa là ta đã thành công một phần trong cạnh tranh. Mặt khác cũng nên quan tâm tới việc dự đoán tương lai và định hướng tới khách hàng. Mỗi sản phẩm đều tuân theo một quy luật nhất định, đó là sự phát sinh, phát triển và suy thoái. Người tiêu dùng là người đi sau sự phát sinh nhưng lại đi trước sự suy thoái. Do vậy, nhà quản trị là người phải biết được khi nào sản phẩm của mình sẽ hết sự hấp dẫn để chuẩn bị ngay sản phẩm thay thế.

***Nhà cung ứng.**

Người cung cấp đối với doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng, nó bảo đảm cho hoạt động của doanh nghiệp được tiến hành ổn định theo kế hoạch đã định trước. Trên thực tế người cung cấp thường được phân thành ba loại chủ yếu: Loại cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu; loại cung cấp nhân công; loại cung cấp tiền và các dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm. Như vậy, mỗi doanh nghiệp cùng một lúc có quan hệ tới nhiều nguồn cung cấp thuộc cả ba loại trên. Vấn đề đặt ra là yêu cầu của việc cung cấp phải đầy đủ về số lượng, kịp thời về thời gian, đảm bảo về chất lượng và ổn định về giá cả. Mỗi sự sai lệch trong quan hệ với người cung cấp là ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của bản thân doanh nghiệp. Điều này lưu ý với các nhà quản trị là phải biết tìm cách đến được các nguồn lực tin cậy, ổn định và giá cả hợp lý. Phương châm là đa dạng hoá nguồn cung cấp, thực hiện nguyên tắc “không bỏ tiền vào một ống”. Mặt khác, trong quan hệ doanh nghiệp cần thiết tìm một người cung cấp chủ yếu có đầy đủ sự tin cậy, nhưng phải luôn tránh sự lệ thuộc và chủ động xây dựng kế hoạch cung ứng cho mình.

II. Tình hình hoạt động trong năm:**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Giá trị sản lượng sản xuất kinh doanh đạt 147,543 tỷ đồng, đạt 96% theo kế hoạch và bằng 104% so với năm 2017.
- Doanh thu từ sản phẩm công ích đạt 116,499 tỷ đồng, đạt 102% theo kế hoạch và bằng 110% so với năm 2017.
- Doanh thu từ sản xuất kinh doanh khác đạt 18,021 tỷ đồng đạt 68% theo kế hoạch và bằng 78% so với năm 2017.
- Lợi nhuận đạt 2,894 tỷ đồng, đạt 102% so với kế hoạch và bằng 113% so với năm 2017.

Các chỉ tiêu chính đã đạt được:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	KH năm 2018 theo NQ ĐHCĐ	Kết quả thực hiện năm 2018		
				Giá trị thực hiện	Tỷ lệ % so với 2017	Tỷ lệ % so với KH
1	Sản Lượng	142.150	154.454	147.543	104%	96%
2	Doanh Thu	129.227	140.413	134.520	104%	96%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Sản phẩm công ích	106.198	113.836	116.499	110%	102%
	- Sản xuất kinh doanh khác	23.029	26.577	18.021	78%	68%
3	Chi Phí	126.675	136.569	131.626	104%	96%
4	Lợi Nhuận (trước thuế)	2.552	2.884	2.894	113%	102%
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	12,37%	13,79%	13,84%	112%	100,3%
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	7,12%	8,00%	8,00%	112%	100%

2. Tổ chức nhân sự:

* Danh sách ban điều hành Công ty:

<p>Ông: Trần Phú Hiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Giám đốc, thành viên HĐQT - Sinh năm: 1974 - Quê quán: Nghệ An - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu hầm; Cử nhân Luật - Số cổ phần sở hữu: 0 (không) cổ phiếu - Số cổ phần sở hữu đại diện cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam: 420.750 cổ phiếu. 	
<p>Ông: Nguyễn Văn Trọng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Phó giám đốc, thành viên HĐQT - Sinh năm: 1960 - Quê quán: Bắc Ninh - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kinh doanh xây dựng. - Số cổ phần sở hữu: 18.965 cổ phiếu 	<p>Ông: Nguyễn Bá Song</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Phó giám đốc - Sinh năm: 1964 - Quê quán: Bắc Ninh - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường sắt. - Số cổ phần sở hữu: 6.546 cổ phiếu
<p>Ông: Phan Tiến Dũng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Phó giám đốc - Sinh năm: 1974 - Quê quán: Thanh Hóa 	<p>Ông: Hà Huy Tâm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Kế toán trưởng - Sinh năm: 1970 - Quê quán: Bắc Giang

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu hầm.	- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Số cổ phần sở hữu: 6.000 cổ phiếu	- Số cổ phần sở hữu: 31.656 cổ phiếu

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Ngày 31/08/2018 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng đã ban hành Quyết định số 970/QĐ-ĐSHL (đã thực hiện công bố thông tin) nội dung:

+ Miễn nhiệm chức danh Phó giám đốc Công ty đối với ông Phan Tiến Dũng.

*** Chính sách đối với người lao động trong Công ty.**

Cơ cấu lao động Công ty năm 2018

Số TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng %
I	Theo trình độ lao động	806	100%
1	Trên đại học	4	0,5%
2	Đại học	122	15,1%
3	Cao đẳng + Trung cấp	126	15,6%
4	Khác	554	68,7%
II	Theo loại hợp đồng lao động	806	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	806	100%

*** Công tác nhân sự tiền lương.**

- Trong năm 2018 Công ty đã tích cực tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ để mở thêm các thị trường mới, tìm kiếm những công trình phù hợp với khả năng. Từ đó người lao động được trả lương xứng đáng với năng lực của mình. Cụ thể thu nhập bình quân năm 2018 là: 6,822 triệu đồng/người/tháng, tỷ lệ bằng 107% so với năm 2017.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Quy chế trả lương cho toàn Công ty gắn với năng suất, chất lượng và hiệu quả mà người lao động đóng góp.

*** Các hoạt động phong trào.**

Tích cực tham gia các hoạt động phong trào do ngành và địa phương phát động. Công ty đã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhằm khích lệ tinh thần hăng say lao động sản xuất của CBCNV lao động trong toàn Công ty:

- Tổ chức Hội thao truyền thống; Hội diễn văn nghệ của CBCNV trong Công ty.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.

Trong năm 2018, bằng nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty đã thực hiện công tác đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị theo đúng quy định hiện hành, nội dung đầu tư đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình, danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Tiến độ thực hiện
1	Máy chèn đường thủy lực, động cơ Diezel	530	521,4	Đã hoàn thành
2	Máy mài ray	175	171,6	Đã hoàn thành
3	Ô tô 7 chỗ	1.300	0	Không thực hiện

4. Tình hình tài chính.

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	54.646.883.594	52.393.524.811	96%
Doanh thu thuần	129.227.410.616	134.519.640.942	104%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.467.919.048	3.028.809.367	123%
Lợi nhuận khác	84.029.808	-134.741.998	
Lợi nhuận trước thuế	2.551.948.856	2.894.067.369	113%
Lợi nhuận sau thuế	2.040.693.667	2.282.925.496	112%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Chi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,18	1,23	
Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,13	1,18	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,63	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,11	1,91	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	49,90	68,34	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,36	2,57	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,13	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 1.650.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.650.000 cổ phần.
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 (không) cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: (Tại thời điểm 10/4/2018)

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước			
	Tổ chức	01	841.500	51%
	Cá nhân	991	808.500	49%
	Cổ đông lớn	0	0	0
II	Cổ đông nước ngoài			
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	TỔNG CỘNG	992	1.650.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2018 Công ty không có sự kiện phát sinh nào làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.

I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến chỉ tiêu SXKD:

1. Thuận lợi:

- Công ty luôn được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Bộ GTVT và lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN, ngoài ra còn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua; Toàn thể CBCNV trong Công ty phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, của ban lãnh đạo Công ty, nội bộ ổn định, đoàn kết, thống nhất, quy chế dân chủ được phát huy, đời sống văn hoá tinh thần của CBCNV luôn được quan tâm.

- Bộ máy tổ chức tiếp tục được tinh giảm, sắp xếp lại, đảm bảo tinh gọn, hoạt động linh hoạt, hiệu quả; sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy hết tiềm năng, khả năng của mỗi cán bộ công nhân viên được giao trọng trách.

Nhờ đó Công ty đã chủ động điều hành kế hoạch sản xuất đảm bảo an toàn chạy tàu, đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Khó khăn:

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, hầm dài, độ dốc lớn, nhiều đường cong bán kính nhỏ, cầu chung...). Trạng thái công trình đường sắt trong phạm vi quản lý chưa được vào cấp, kinh phí đầu tư cho công tác bảo trì được giao hàng năm chỉ đáp ứng 40% phương án tính đủ, chưa thể đáp ứng khắc phục kịp mức độ xuống cấp của cầu đường.

Một số bộ phận cán bộ, nhân viên chậm đổi mới phong cách làm việc, tính trách nhiệm cá nhân chưa cao, thậm chí có trường hợp thụ động chờ việc, vẫn còn mang nặng tư tưởng “bao cấp” nên không muốn đi làm xa nhà để tăng thêm thu nhập, làm việc không có hiệu quả, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lực lượng nhân sự có trình độ, tay nghề cao còn thiếu, kinh nghiệm thi công các công trình lớn còn hạn chế; Hồ sơ kinh nghiệm, năng lực của Công ty còn yếu, chưa có thương hiệu trong khi phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm việc làm luôn là một thách thức lớn...

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản.

Trong năm 2018, bằng nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty đã thực hiện công tác đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị theo đúng quy định hiện hành, nội dung đầu tư đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình, danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Ghi chú
1	Máy chèn đường thủy lực, động cơ Diesel	530	521,4	Đã hoàn thành

2	Máy mài ray	175	171,6	Đã hoàn thành
3	Ô tô 07 chỗ	1.300	0	Không thực hiện

Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.

Công ty không có nợ xấu và các tài sản xấu làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

Công ty không có biến động lớn về nợ phải trả và không có các ảnh hưởng về chênh lệch tỷ giá hối đoái làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm vừa qua, mặc dù nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, song Công ty vẫn duy trì và ổn định SXKD. Để đạt được những kết quả trên, HĐQT và Ban Giám đốc đã có những bước đi đúng đắn trong chiến lược SXKD cũng như không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, cụ thể:

Duy trì ổn định SXKD, đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV.

Về tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công kịp thời, đúng, đủ theo quy định; thực hiện đúng chế độ chính sách cho người lao động như thăm hỏi, trợ cấp xã hội, thăm quan, học tập nghỉ mát, thực hiện đúng qui chế dân chủ, giải quyết kịp thời các kiến nghị, đơn thư khiếu nại theo thẩm quyền và các chế độ khác đúng qui định;

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích sử dụng, thực hiện đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công bố thông tin: Tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quy định khi tham gia thị trường chứng khoán.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Thường xuyên tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao, về trụ sở làm việc, cơ sở vật chất và các trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp, cải tạo sửa chữa đảm bảo nhu cầu thiết yếu, tạo môi trường làm việc tốt cho người lao động. Các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công. Qua đó, Công ty đã đạt được hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 phải đảm bảo mục tiêu cụ thể như sau:

- Sản xuất chính: Xác định hoạt động quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt là hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Công ty luôn phấn đấu hoàn thành thật tốt hợp đồng đặt hàng quản lý, BDTX KCHT ĐS với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, giữ vững an toàn, đảm bảo tiến độ và chất lượng cao nhất;

- Sản phẩm ngoài công ích: Tiếp tục thực hiện hoàn thành các hợp đồng đã ký kết; Tăng cường quan hệ với đối tác bên ngoài để tìm việc làm đảm bảo doanh thu năm 2019 tăng trưởng 9,7% trở lên so với năm 2018.

- Các chỉ tiêu khác:

- + Tỷ lệ lợi nhuận/ Vốn CSH đạt 17,75%; tỷ lệ cổ tức/VĐL đạt 8,00%;

- + Thu nhập bình quân người lao động: tăng 8% so với năm 2018;

- + Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng;

- + Giảm tỷ lệ xóc lắc trên tuyến Hà Nội - Đồng Đăng so với năm 2018;

- + Không để xảy ra tai nạn đặc biệt nghiêm trọng do chủ quan;

- + Tai nạn GTĐS ít nghiêm trọng do chủ quan gây ra: Không quá 02 vụ;

- Tiếp tục tái cơ cấu, sắp xếp, hoàn thiện mô hình tổ chức đảm bảo tinh gọn, hoạt động linh hoạt, hiệu quả; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy hết tiềm năng, khả năng của mỗi cán bộ công nhân viên được giao trọng trách; Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh, đầu tư máy móc thiết bị để từng bước nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh góp phần tạo điều kiện nâng cao năng lực đơn vị trong việc tìm kiếm thêm việc làm nhằm đảm bảo ổn định, tăng thu nhập, đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động; Chủ động, tích cực tìm kiếm thêm

việc làm ngoài sản xuất chính, đặc biệt là các đối tác truyền thống của Công ty để đảm bảo tiến tới tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, giữ được người lao động tiếp tục ở lại làm việc; mở rộng sản xuất kinh doanh; Đảm bảo an toàn chạy tàu, an ninh trật tự, an toàn lao động; xây dựng đơn vị Chính qui - Văn hoá - An toàn và phát động các phong trào thi đua trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển doanh nghiệp;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, hầm dài, độ dốc lớn, nhiều đường cong bán kính nhỏ, cầu chung...). Trạng thái công trình đường sắt trong phạm vi quản lý chưa được vào cấp, kinh phí đầu tư cho công tác bảo trì được giao hàng năm chỉ đáp ứng 40% phương án tính đủ, chưa thể đáp ứng khắc phục kịp mức độ xuống cấp của cầu đường.

Một số bộ phận cán bộ, nhân viên chậm đổi mới phong cách làm việc, tính trách nhiệm cá nhân chưa cao, thậm chí có trường hợp thụ động chờ việc, vẫn còn mang nặng tư tưởng “bao cấp” nên không muốn đi làm xa nhà để tăng thêm thu nhập, làm việc không có hiệu quả, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lực lượng nhân sự có trình độ, tay nghề cao còn thiếu, kinh nghiệm thi công các công trình lớn còn hạn chế; Hồ sơ kinh nghiệm, năng lực của Công ty còn yếu, chưa có thương hiệu trong khi phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm việc làm luôn là một thách thức lớn...

Tuy nhiên, được sự giúp đỡ của Bộ GTVT và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam cùng sự quyết tâm của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao cho.

- Doanh thu thực hiện đạt 134,520 tỷ đồng bằng 96% so với kế hoạch và 104% so với năm 2017.

Trong đó:

+ Sản phẩm công ích: 116,499 tỷ đồng bằng 102% so với kế hoạch.

+ Sản xuất kinh doanh khác: 18,021 tỷ đồng bằng 68% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận: 2,894 tỷ đồng bằng 102% kế hoạch.

- Tỷ lệ cổ tức 8,00%/ Vốn điều lệ.

* Tiền lương và thu nhập: Thu nhập bình quân năm 2018 là: 6,822 triệu đồng/người/tháng, bằng 107% so với năm 2017.

* Giữ vững được công lệnh tốc độ, tải trọng.

* Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và các hoạt động văn hóa, thể thao, đời sống tinh thần của CBCNV ngày càng được cải thiện.

Những kết quả đạt được trong năm là tín hiệu tích cực chỉ báo những định hướng chỉ đạo đúng đắn của Bộ GTVT và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, cũng như tinh thần nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện của toàn thể CBCNV Công ty. Tuy nhiên kết quả đạt được chưa tương xứng với nguồn lực của Công ty đó cũng là thách thức để CBCNV và người lao động Công ty tiếp tục nỗ lực, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và những năm tiếp theo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.

Công ty quản lý một khối lượng kết cấu hạ tầng không những lớn nhất mà còn phức tạp nhất Tổng công ty Đường sắt Việt Nam: bao gồm những yếu tố kỹ thuật đặc thù, khó khăn của ĐSVN như nhiều loại khổ đường, cầu cao, độ dốc lớn, đường công bán kính nhỏ, hầm, cầu chung...

Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty vẫn nỗ lực điều hành đạt kết quả rất ấn tượng. Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng, nỗ lực cùng Hội đồng quản trị tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho CBCNV. Các thành viên trong Ban Giám đốc Công ty đều là các nhân sự giàu kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt và điều hành hiệu quả trong mọi công việc.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng Pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro, chỉ đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, toàn bộ Ban Giám đốc đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đặt hàng và giao kế hoạch của Hội đồng quản trị phê duyệt. Các kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc và khoa học, qua đó hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm đã được hoàn thành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Theo nhận định của Hội đồng quản trị, năm 2019 Công ty sẽ tiếp tục duy trì được sự ổn định và phát triển bởi những điều kiện thuận lợi sau:

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Bộ GTVT và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

- Nội quy, quy chế hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần đã được bắt đầu phát huy hiệu quả tạo ra phương thức tổ chức chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD mới năng động, sáng tạo hơn.

- Những kết quả đạt được năm 2018 sẽ là nhiệm vụ thúc đẩy cho CBCNV toàn Công ty, tạo đà cho các phong trào thi đua SXKD năm 2019.

Tuy nhiên, Công ty cũng gặp phải không ít khó khăn, thách thức trong năm tới đó là:

- Sự cạnh tranh gay gắt hơn của các đơn vị cùng lĩnh vực trong ngành đường sắt trong việc tham gia công tác sửa chữa lớn công trình đường sắt của ngành cũng như các khách hàng có đường sắt dùng riêng. Mặt khác, các quy định trong Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 có nhiều điểm tạo ra rào cản pháp lý làm khó khăn trong việc tham gia đấu thầu như: Công trình có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 5 tỷ đồng; tỷ lệ vốn sở hữu Nhà nước; các công trình có vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế...

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị định hướng như sau:

- Tiếp tục tập trung công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, trong đó tập trung cao nhất nguồn lực vào công tác hoàn thành 100% khối lượng sản phẩm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng cao nhất; đảm bảo an toàn chạy tàu; giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, khai thác các sản phẩm, dịch vụ ngoài công ích có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2018 nhằm bù đắp khối lượng sản phẩm khác ngoài công ích sụt giảm, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Chỉ đạo Ban Giám đốc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, trọng dụng nguồn nhân lực có chuyên môn cao, tâm huyết, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực cho Công ty. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, tăng cường công tác đào tạo nâng cao tay nghề, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm của CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Tăng cường kiểm tra tuân thủ quy trình, quy phạm trong sản xuất, minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị để đáp ứng kịp thời các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

- Đề xuất các phương án tái cơ cấu hoạt động điều chỉnh mô hình tổ chức sản xuất của Công ty thích ứng tốt nhất với các quy định mới của pháp luật, kịp thời đón bắt các cơ hội kinh doanh mới nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

V. Quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Bá	Chủ tịch HĐQT	29.774	
2	Trần Phú Hiệp	TV. HĐQT - Giám đốc	0	
3	Nguyễn Văn Trọng	TV. HĐQT - Phó giám đốc	18.965	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Các hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 19 cuộc họp để thông qua các nội dung chính như sau:

- Phân phối quỹ lương còn lại năm 2017 cho CBCNV trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2018.
- Thông qua báo cáo trình ĐHCĐ thường niên 2018 kết quả thực hiện SXKD năm 2017, kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2018.
- Triển khai kế hoạch thực hiện chuyên đề đảm bảo ATGT tại các đường ngang, đường dân sinh và hành lang bảo vệ ATGT đường sắt.
- Phê duyệt kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật các quý trong năm 2018.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2018 và định hướng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2019.
- Công tác nhân sự của Ban Giám đốc.
- Điều chỉnh khối lượng quản lý KCHTĐS trên tuyến Hà Nội - Đồng Đăng; Mai Pha - Na Dương.
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Hào	Trưởng ban	5.628	
2	Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên	1.815	
3	Lê Thị Minh Phương	Thành viên	1.332	Miễn nhiệm ngày 26/4/2018
4	Hoàng Thị Tuyết	Thành viên	0	Bổ nhiệm ngày 26/4/2018

- Việc miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện công bố thông tin.

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát.

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp với đầy đủ các thành viên, tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giao ban sản xuất hàng tháng do Giám đốc Công ty chủ trì, đề xuất các ý kiến nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty như việc lập kế hoạch tài chính, chiến lược định hướng trong sản xuất kinh doanh...

Thực hiện nhiệm vụ của Ban theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban Kiểm soát đã:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và các văn bản chỉ đạo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, báo cáo công tác điều hành của Lãnh đạo Công ty.
- Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty.
 - Xem xét kế hoạch tài chính và thực hiện kế hoạch tài chính của Công ty.
 - Cập nhật, xem xét tiến độ thực hiện các dự án đang trong giai đoạn đầu tư:
 - + Dự án trang bị máy chèn đường thủy lực, động cơ Diesel.
 - + Dự án trang bị máy mài ray.
 - Xem xét Báo cáo tài chính hàng quý, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018.
 - Xem xét việc phân phối lợi nhuận năm 2017.
 - Xem xét việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật.
 - Giám sát việc thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
 - Kiểm tra tính tuân thủ của Ban điều hành và các phòng nghiệp vụ trong việc thực hiện các quy chế nội bộ và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Tham gia góp ý xây dựng các quy chế của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản lợi ích	Thù lao	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Bá	CT HĐQT	290.815		
2	Trần Phú Hiệp	TV HĐQT - GD	275.017		
3	Nguyễn Văn Trọng	TV HĐQT - PGD	239.797	12.000	
4	Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc	239.203		
5	Phan Tiến Dũng	Phó Giám đốc	154.356		Miễn nhiệm ngày 31/8/2018
6	Nguyễn Văn Hào	Trưởng Ban KS	237.936		
7	Hoàng Thị Xuân Thủy	TV Ban KS	140.192	12.000	
8	Lê Thị Minh Phương	TV Ban KS	33.826	4.000	Miễn nhiệm ngày 26/4/2018
9	Hoàng Thị Tuyết	TV Ban KS	74.893	8.000	Bổ nhiệm ngày 26/4/2018

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có phát sinh.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có phát sinh.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

- Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty dựa theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Nội quy, Quy chế nội bộ của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán.

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính".

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật về kế toán là: Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía bắc.

- Báo cáo tài chính phát hành ngày 22 tháng 02 năm 2019 gồm:

a) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018;

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.509.000.867	42.002.702.118
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.766.609.604	4.544.167.174
1. Tiền	111		748.116.453	4.544.167.174
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.018.493.151	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.028.272.480	35.718.138.453
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	35.071.412.998	33.392.899.149
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	216.709.000	90.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.861.336.597	4.429.546.419
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.121.186.115)	(2.194.307.115)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	1.704.611.730	1.740.369.491
1. Hàng tồn kho	141		1.704.611.730	1.740.369.491
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.507.053	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	9.507.053	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.884.523.944	12.644.181.476
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		8.917.186.522	10.113.102.410
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	8.917.186.522	10.113.102.410
- Nguyên giá	222		25.576.112.489	24.946.112.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.658.925.967)	(14.833.010.079)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.967.337.422	2.531.079.066
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.967.337.422	2.531.079.066
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		52.393.524.811	54.646.883.594
NGUỒN VỐN	Mã số			
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		32.904.599.315	35.706.189.927
I. Nợ ngắn hạn	310		32.904.599.315	35.706.189.927
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	14.280.485.789	15.527.947.127
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	768.098.270	1.092.293.315
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.978.705.807	2.369.876.062
4. Phải trả người lao động	314		11.023.470.671	14.107.529.797
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	3.597.368.049	2.401.185.538
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		256.470.729	207.358.088
II. Nợ dài hạn	330			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.12	19.488.925.496	18.940.693.667
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.488.925.496	18.940.693.667
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.500.000.000	16.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.500.000.000	16.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		706.000.000	400.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.282.925.496	2.040.693.667

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		52.393.524.811	54.646.883.594

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	134.519.640.942	129.227.410.616
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		134.519.640.942	129.227.410.616
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	117.712.101.566	112.592.081.026
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.807.539.376	16.635.329.590
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	350.484.975	254.013.914
7. Chi phí tài chính	22			10.652.300
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			2.482.300
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	14.129.214.984	14.401.772.156
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.028.809.367	2.467.919.048
11. Thu nhập khác	31	6.5	90.800.000	290.743.755
12. Chi phí khác	32	6.6	225.541.998	206.713.947
13. Lợi nhuận khác	40		(134.741.998)	84.029.808
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.894.067.369	2.551.948.856
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	611.141.873	511.255.189
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.282.925.496	2.040.693.667
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.045	897
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	1.045	897

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		141.085.954.582	148.883.019.946
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(45.843.362.944)	(65.920.681.135)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(63.600.195.136)	(59.125.872.328)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			(2.482.300)

5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(565.526.088)	(586.649.631)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.155.788.688	(267.755.664)
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(32.989.430.816)	(24.613.177.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.243.228.286	(1.633.598.571)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(207.900.000)	(2.557.482.363)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		337.709.394	254.013.914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		129.809.394	(2.323.468.449)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33			2.766.086.909
2. Tiền trả nợ gốc vay	34			(2.766.086.909)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.150.595.250)	(1.129.910.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.150.595.250)	(1.129.910.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		222.442.430	(5.086.977.620)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.554.167.174	9.631.144.794
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.766.609.604	4.544.167.174

- Toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán và được đăng tải trên website của Công ty <http://halang.com.vn> và được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Trần Phú Hiệp